

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/11/2021

V/v: “Thay đổi người trực tiếp
nuôi con sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Khanh

2. Ông Đặng Thái Dìn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2021/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 26/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 19, ngày 11/8/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 21, ngày 24/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 16/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 15/10/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N – Sinh năm: 1990

Trú tại: Thôn D, xã TC, huyện H, Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Trần Thị H – Sinh năm: 1995

Trú tại: Thôn DT, xã T, huyện C, Thanh Hóa

Anh N có mặt, chị H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh và chị Trần Thị H lấy nhau năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Năm 2019 vợ chồng mâu thuẫn dẫn đến ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 109/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 19/11/2019 của TAND huyện H đã quyết định công nhận sự thỏa thuận về con chung giữa anh N và chị

H là giao cháu Nguyễn Gia L – sinh ngày: 19/6/2016 là con chung giữa anh N và chị H cho chị H nuôi dưỡng, anh Ng không phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên đến tháng 7 năm 2020 chị H đi lấy chồng (chồng chị H cũng đã 1 lần ly hôn và có 2 con gái riêng) tại Thôn DT, xã T, huyện C và không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L mà để con ở với ông bà ngoại tại xã V, huyện L. Tháng 11 năm 2020 chị H đã sinh thêm 1 con gái với chồng mới. Hiện nay gia đình chị H gồm có mẹ chồng chị H, con riêng của chồng chị H, con riêng của chị H là Cháu L và con chung của chị H và chồng mới. Anh thấy rằng một gia đình nhiều con, nhiều mối quan hệ như vậy rất phức tạp, con riêng, con chung lại chung sống với nhà chồng, mặc khác chị H lại mới sinh con nhỏ nên chị H sẽ không thể chăm sóc tốt cho cháu L được và ở một môi trường, điều kiện sống như vậy con gái anh sẽ không thể sống tốt được.

Một lý do nữa để anh yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con đó là quá trình cháu L ở với chị H, chị H thường xuyên gây khó khăn, thậm chí né tránh không cho anh thăm gặp con. Anh đến thăm thì chị H bảo cháu đi chơi không có nhà, gọi điện thì chị H chặn số không cho anh gọi, anh và bà nội phải đến trường Mầm non xã V nơi cháu học để thăm cháu. Nhà anh có hai chị em, anh là con trai duy nhất trong gia đình, chị gái đã đi lấy chồng, anh ở cùng bố mẹ đẻ tại Thôn DT, xã TC, huyện H, Thanh Hóa và làm điện lạnh tại nhà, thỉnh thoảng có công trình thì đi làm ở Hà Nội. Hiện nay anh chưa lấy vợ, có nhà cửa, nơi ở ổn định, thu nhập 1 tháng khoảng 15.000.000đ. Do đó anh có điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con tốt hơn chị H. Để đảm bảo quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con, anh yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, để anh được quyền nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Từ mùng 1.7.2021 đến nay, anh N đã đón cháu L về ở cùng với bố. Hiện nay cháu đang học lớp mẫu giáo nhỡ tại trường Mầm Non xã V, huyện H tỉnh Thanh Hóa. Chị H có nhờ ông bà ngoại đến đón cháu về nhưng cháu không muốn về.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị H trình bày: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số 109/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 19/11/2019 của TAND huyện H đã quyết định giao cháu Nguyễn Gia L – Sinh ngày 16/9/2016 là con chung giữa tôi và anh N cho chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị về gia đình bố mẹ đẻ ở Thôn M, xã V, huyện L, tỉnh Thanh Hóa để sống. Đến tháng 7/2020 chị đi lấy chồng là anh Nguyễn Trung N, trú tại: Thôn DT, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Đến tháng 9 năm 2020 chị chuyển hộ khẩu cả hai mẹ con về nhà chồng, nhưng do nhà chồng chị đang xây dở, cháu L lại đang học dở ở trường Mầm Non xã V nên chị tiếp tục gửi cháu ở nhà ông bà ngoại một thời gian. Hiện nay chị đã đón cháu L về ở cùng và cho cháu ăn học đầy đủ. Sức khỏe cháu vẫn tốt, không ốm đau gì.

Việc chị lấy chồng và chung sống với gia đình nhà chồng, có mẹ chồng và

con riêng của chồng như anh N trình bày là đúng. Nhưng cuộc sống của chị và gia đình chồng hiện tại không ảnh hưởng gì đến việc nuôi dưỡng cháu L. Chị vẫn nuôi dưỡng, chăm sóc cháu rất tốt. Mẹ chồng chị và chồng chị cũng rất yêu thương cháu L. Quá trình nuôi dưỡng bé L chị không gây khó khăn gì cho anh N, lý do chị chặn số điện thoại của anh N là do chị đã có chồng nên việc anh N gọi điện cho chị sẽ không tiện, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình mới của chị.

Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty Giày Da ở huyện YĐ, lương cứng 1 tháng là 6.000.000đ. Nếu làm tăng ca thì mỗi tháng thu nhập khoảng 8 đến 9 triệu, chị vẫn đảm bảo được cuộc sống cho cháu. Chồng hiện tại làm thầu xây dựng nên kinh tế cũng đủ lo cho các con, không có khó khăn gì. Vì vậy chị không đồng ý thay đổi người nuôi con. Đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu L cho chị nuôi dưỡng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 58, điều 81, điều 82, 83 và điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147, điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn N, giao cháu Nguyễn Gia L cho anh N nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn N làm đơn đến TAND huyện L yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn với chị Trần Thị H. Quá trình giải quyết vụ án xác minh chị Trần Thị H đã chuyển hộ khẩu và hiện đang có hộ khẩu thường trú tại: Thôn DT, xã T, huyện C, Thanh Hóa. TAND huyện L đã chuyển vụ án cho TAND huyện C. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, TAND huyện C thụ lý, giải quyết vụ án là quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị H vắng mặt. Tòa án đã gửi Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo mở lại phiên tòa cho chị H hợp lệ, đảm bảo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được quy định tại khoản 3 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Tại Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 109/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 19/11/2019 của TAND huyện H đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị H, giao con chung là cháu Nguyễn Gia L – sinh ngày 16/9/2016 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, anh ngoại không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nay anh N yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, đề nghị được nuôi cháu L.

Xét yêu cầu của anh N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi quyết định số 109, ngày 19/11/2019 của TAND huyện H có hiệu lực pháp luật, anh N đã thực hiện đúng nội dung quyết định, giao cháu L cho chị H nuôi dưỡng, anh N vẫn đi lại thăm nom, chăm sóc con. Tuy nhiên thời gian chị H trực tiếp nuôi dưỡng bé L, chị H không tạo điều kiện cho anh N được thăm nom con, gọi điện hỏi thăm thì chị H từ chối nghe máy. Sau khi ly hôn (tháng 11/2019), đến tháng 7 năm 2020 chị H đi lấy chồng, nhưng không mang con theo sống cùng mà gửi con ở nhà ông bà ngoại nên anh N làm đơn yêu cầu thay đổi nuôi con là đúng thực tế.

Tại phiên tòa chị H vắng mặt. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị H có trình bày rằng lý do chị chặn số điện thoại của anh N là do chị đã có chồng nên việc anh N gọi điện cho chị sẽ không tiện, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình mới của chị. Xét thấy lý do chị H đưa ra là không phù hợp, bởi lẽ mặc dù anh N, chị H đã ly hôn, không còn là vợ chồng nữa, nhưng cháu L vẫn là con chung của anh N và chị H. Mặt khác cháu L đang còn nhỏ, chị H là người trực tiếp nuôi con, bố con chưa chủ động liên lạc được với nhau nên phải gặp thông qua chị H. Do đó, việc chị H từ chối nghe máy, chặn số điện thoại của anh N, không cho anh N gặp con là vi phạm quy định tại Khoản 2 điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 *“Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”*.

Xét về điều kiện nuôi con của nguyên đơn, bị đơn thì thấy rằng: Anh N và chị H có nguyện vọng nuôi con là chính đáng, đều có thu nhập ổn định. Tuy nhiên hiện nay chị H lấy chồng, hiện đang chung sống cùng gia đình chồng, có mẹ chồng, con chồng. Mặt khác chị H mới sinh con được 7 tháng tuổi, vừa phải chăm con nhỏ, vừa đi làm công nhân công ty may, rồi lại chăm sóc con chồng. Trong điều kiện gia đình, cuộc sống như vậy sẽ phần nào ảnh hưởng đến điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển của cháu L. Cụ thể đó là: Quá trình nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cháu L, chị H đã không trực tiếp chăm sóc cháu, chưa thực sự quan tâm cháu nên thời gian chị gửi con cho ông bà ngoại chăm sóc từ khi nào đến khi nào chị cũng không nhớ rõ. Thậm chí, thời điểm chuyển

trường từ trường Mần Non V lên trường Mần Non T cho cháu L chị cũng không nhớ. Thông tin trong giấy xác nhận nhập học của trường Mần non T mà chị H cung cấp cũng không chính xác, gây khó khăn, làm cho Tòa án phải đi xác minh nhiều lần, kéo dài thời hạn giải quyết vụ án. Mặt khác, dù chị H muốn nuôi con nhưng quá trình làm việc chị H không có thiện chí làm việc, thường xuyên vắng mặt trong các buổi hòa giải, không chấp hành Giấy triệu tập của Tòa án.

Về phía anh Nguyễn Văn N: Anh N có nơi ở ổn định, hiện đang sinh sống và làm việc tại Thôn D, xã TC, huyện H, Thanh Hóa; Chưa có vợ con; Có thu nhập ổn định; Mặt khác từ tháng 7/2021 đến nay cháu L đang sinh sống ổn định cùng anh N và ông bà nội; Đã đi học tại: Trường Mần Non TC. Từ ngày cháu về ở cùng bố chị H cũng không đến thăm con hay đón con lần nào, duy nhất có 1 lần nhờ ông bà ngoại xuống đón nhưng cháu L không muốn về. Do đó, giao cháu L cho anh N nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ tốt hơn. Yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 “*Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*” và Điều 58, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Anh N không yêu cầu chị Hạnh cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh N phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 điều 96 Bộ luật TTDS. Căn cứ vào các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 1 điều 24, Điểm a, khoản 5 điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Văn N về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Giao cháu Nguyễn Gia L cho anh N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đ án phí DSST, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, đã nộp theo biên lai thu số

AA/2018/0004785, ngày 30/11/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Anh Ngoan không phải nộp nữa.

Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tuyên án. Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa
- Chi cục THADS H.C
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Dung